

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Huỳnh Thái Việt

. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tôn Nữ Yên T - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn TPN, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn TPN, xã VP, huyện VN, tỉnh KH; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2, ĐG, huyện DK, tỉnh KH. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 12 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023, nguyên đơn chị Tôn Nữ Yên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Nữ Yên T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 cấp ngày 28/8/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, tính

tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng nhau. Năm 2017 anh T1 phạm tội và bỏ trốn đến năm 2022 thì quay về và bị bệnh, sau đó bị bắt theo lệnh truy nã, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam A2 - Bộ Công an. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Thùy D - sinh ngày 05/7/2010. Chị T yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày ngày 17/02/2023 bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh T1 và chị Tôn Nữ Yến T tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 cấp ngày 28/8/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã. Vì buồn chuyện gia đình nên anh T1 nghe lời bạn bè xấu rủ rê và đã thực hiện hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tuy nhiên sau đó anh T1 bỏ trốn. Đến năm 2022 bị bệnh tim nên quay về và bị bắt theo lệnh truy nã. Hiện nay đang chấp hành bản án 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Anh T1 đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Thùy D - sinh ngày 05/7/2010. Anh T1 yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

Vì phải đang chấp hành án trong trại giam nên anh T1 đề nghị được vắng mặt tại các buổi triệu tập, phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Vì lý do cá nhân nên nguyên đơn chị Tôn Nữ Yến T có đơn đề ngày 23/5/2023 xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị

đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tôn Nữ Yến T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 - hộ khẩu thường trú: Thôn TPN, xã VP, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Tại phiên tòa anh T1 vắng mặt nhưng đã có lời khai xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị T, anh T1 và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Tôn Nữ Yến T và anh Nguyễn Văn T1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 cấp ngày 28/8/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T và anh T1, biên bản xác minh thì vợ chồng chị T, anh T1 hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 là do giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng nhau. Vì buồn chuyện gia đình nên anh T1 nghe lời bạn bè xấu rủ rê và đã thực hiện hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tuy nhiên sau đó anh T1 bỏ trốn. Đến năm 2022 bị bệnh tim nên quay về và bị bắt theo lệnh truy nã. Chị T và anh T1 đều xác định hiện nay vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng được anh T1 đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 đều xác định giữa vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Thùy D - sinh ngày 05/7/2010. Anh T1, chị T đều yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Con chung Nguyễn Ngọc Thùy D - sinh ngày 05/7/2010 hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu D có yêu cầu được sống chung với mẹ, vì vậy việc giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng được anh T1 đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu này của

chị T. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh T1 đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tôn Nữ Yến T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Tôn Nữ Yến T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Nguyễn Ngọc Thùy D - sinh ngày 05/7/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Tôn Nữ Yến T và anh Nguyễn Văn T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tôn Nữ Yến T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001728 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh KH; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn VG;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh